

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 446/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2022

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý 2 Năm 2022

(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Kính gửi: Văn Phòng Chính phủ

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	TỔNG CỘNG	1.988	1.565	301	122	1.745	1.359	272	114	1.815	1.417	276	122
1	Lao động	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
2	Đầu tư tại Việt nam	23	23	0	0	23	23	0	0	23	23	0	0
3	Quản lý công sản	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
4	Quản lý hoạt động xây dựng	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
5	Điện	13	13	0	0	13	13	0	0	13	13	0	0
6	Kinh doanh khí	27	24	3	0	27	24	3	0	27	24	3	0

7	Lưu thông hàng hóa trong nước	36	25	11	0	36	25	11	0	36	25	11	0
8	Công nghiệp nặng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
9	An toàn vệ sinh thực phẩm	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
10	Quản lý cạnh tranh	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
11	Xúc tiến thương mại	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
12	Thương mại quốc tế	21	21	0	0	21	21	0	0	21	21	0	0
13	Hóa chất	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
14	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
15	Xuất nhập khẩu	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
16	Dịch vụ thương mại	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
17	Khoa học, công nghệ	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
18	Công nghiệp địa phương	2	1	1	0	2	1	1	0	2	1	1	0
19	Các cơ sở giáo dục khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Đào tạo với nước ngoài	12	12	0	0	12	12	0	0	12	12	0	0
21	Giáo dục dân tộc	9	4	5	0	9	4	5	0	9	4	5	0
22	Giáo dục mầm non	5	0	5	0	5	0	5	0	5	0	5	0
23	Giáo dục nghề nghiệp	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
24	Giáo dục thường xuyên	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
25	Giáo dục tiểu học	6	0	6	0	6	0	6	0	6	0	6	0
26	Giáo dục trung học	21	12	9	0	19	10	9	0	19	10	9	0
27	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	25	13	12	0	23	11	12	0	23	11	12	0

28	Kiểm định chất lượng giáo dục	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
29	Quy chế thi, tuyển sinh	8	7	1	0	6	5	1	0	6	5	1	0
30	Văn bằng, chứng chỉ	5	3	2	0	5	3	2	0	5	3	2	0
31	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân khác	28	21	2	5	25	18	2	5	25	18	2	5
32	Đầu thầu	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
33	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	7	7	0	0	0	0	0	0	7	7	0	0
34	Đầu tư tại Việt nam	22	22	0	0	22	22	0	0	22	22	0	0
35	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
36	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	3	3	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0
37	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	7	7	0	0	0	0	0	0	7	7	0	0
38	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	53	53	0	0	53	53	0	0	53	53	0	0
39	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	31	15	16	0	31	15	16	0	31	15	16	0
40	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0	5
41	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	3	3	0	0	3	3	0	0	0	3	0	0
43	An toàn bức xạ và hạt nhân	7	7	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
44	Hoạt động khoa học và công nghệ	33	33	0	0	33	33	0	0	33	33	0	0
45	Sở hữu trí tuệ	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0

46	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	15	15	0	0	15	15	0	0	15	15	0	0
47	Quản lý công sản	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
48	An toàn, vệ sinh lao động	8	8	0	0	6	6	0	0	8	8	0	0
49	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Bảo trợ xã hội	37	13	16	8	36	12	16	8	37	13	16	8
51	Giáo dục nghề nghiệp	33	28	5	0	29	27	2	0	33	28	5	0
52	Lao động	14	13	1	0	7	6	1	0	14	13	1	0
53	Người có công	42	40	1	1	41	39	1	1	42	40	1	1
54	Phòng, chống tệ nạn xã hội	16	9	3	4	15	8	3	4	16	9	3	4
55	Quản lý lao động ngoài nước	5	5	0	0	4	4	0	0	5	5	0	0
56	Tiền lương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Tổ chức cán bộ	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
58	Trẻ em	10	2	2	6	6	0	0	6	10	2	2	6
59	Việc làm	30	28	2	0	13	13	0	0	30	28	2	0
60	Công tác lãnh sự	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
61	Hội nghị, hội thảo quốc tế	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
62	Quản lý xuất nhập cảnh	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
63	Chính quyền địa phương	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
64	Công chức, viên chức	11	8	3	0	11	8	3	0	0	0	0	0
65	Công tác thanh niên	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
66	Thi đua - khen thưởng	22	9	8	5	22	9	8	5	22	9	8	5

67	Tổ chức - Biên chế	18	12	6	0	18	12	6	0	0	0	0	0
68	Tổ chức phi chính phủ	24	17	7	0	24	17	7	0	8	8	0	0
69	Tôn giáo Chính phủ	53	35	8	10	53	35	8	10	53	35	8	10
70	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
71	Đất đai	61	32	28	1	61	32	28	1	61	32	28	1
72	Địa chất và khoáng sản	14	14	0	0	14	14	0	0	14	14	0	0
73	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
74	Khí tượng, thủy văn	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
75	Môi trường	14	8	4	2	14	8	4	2	14	8	4	2
76	Tài nguyên nước	16	15	1	0	16	15	1	0	16	15	1	0
77	Báo chí	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
78	Bưu chính	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
79	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	16	12	4	0	16	12	4	0	16	12	4	0
80	Xuất Bản, In và Phát hành	17	15	2	0	17	15	2	0	17	15	2	0
81	Di sản văn hóa	14	14	0	0	14	14	0	0	14	14	0	0
82	Điện ảnh	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
83	Dịch vụ du lịch khác	10	9	1	0	10	9	1	0	10	9	1	0
84	Lữ hành	20	20	0	0	20	20	0	0	20	20	0	0
85	Gia đình	18	12	6	0	18	12	6	0	18	12	6	0
86	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
87	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	12	12	0	0	12	12	0	0	12	12	0	0
88	Nghệ thuật biểu diễn	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
89	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0

90	Thể dục thể thao	34	33	1	0	34	33	1	0	34	33	1	0
91	Thư viện	9	3	3	3	9	3	3	3	9	3	3	3
92	Văn hóa cơ sở	26	12	11	3	26	12	11	3	26	12	11	3
93	Giải quyết khiếu nại	5	2	2	1	1	1	0	0	5	2	2	1
94	Giải quyết tố cáo	3	1	1	1	1	1	0	0	3	1	1	1
95	Phòng, chống tham nhũng	10	4	3	3	0	0	0	0	10	4	3	3
96	Tiếp công dân	3	1	1	1	1	1	0	0	3	1	1	1
97	Xử lý đơn thư	3	1	1	1	1	1	0	0	3	1	1	1
98	Bảo hiểm	3	2		1	3	2	0	1	3	2	0	1
99	Quản lý công sản	45	26	19	0	45	26	19	0	45	26	19	0
100	Quản lý giá	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
101	Tài chính ngân hàng	0		0	0			0	0			0	0
102	Tin học - Thống kê	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
103	Bảo vệ thực vật	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
104	Chăn nuôi	4	4	0	0	4	4	0	0	4	4	0	0
105	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	2	1	0	1	2	1	0	1	2	1	0	1
106	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	10	7	3	0	10	7	3	0	10	7	3	0
107	Lâm nghiệp	19	16	3	0	16	16	0	0	19	16	3	0
108	Nông nghiệp	5	3	1	1	5	3	1	1	5	3	1	1
109	Phòng, chống thiên tai	8	3	0	5	8	3	0	5	8	3	0	5
110	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	6	3	3	0	6	3	3	0	6	3	3	0

111	Thú y	13	13	0	0	12	12	0	0	13	13	0	0
112	Thủy lợi	27	19	5	3	27	19	5	3	27	19	5	3
113	Thủy sản	25	22	3	0	23	20	3	0	25	22	3	0
114	Trồng trọt	2	1	0	1	2	1	0	1	2	1	0	1
115	Bán đấu giá tài sản	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
116	Bồi thường nhà nước	6	3	2	1	6	3	2	1	6	3	2	1
117	Chứng thực	24	1	12	11	24	1	12	11	24	1	12	11
118	Công chứng	19	19	0	0	19	19	0	0	19	19	0	0
119	Đăng ký biện pháp bảo đảm	18	9	9	0	9	9	9	0	0	0	0	0
120	Giám định tư pháp	11	11	0	0	11	11	0	0	9	9	0	0
121	Hộ tịch	41	2	16	23	41	2	16	23	41	2	16	23
122	Hòa giải thương mại	8	8	0	0	8	8	0	0	8	8	0	0
123	Luật sư	18	18	0	0	18	18	0	0	18	18	0	0
124	Lý lịch tư pháp	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
125	Nuôi con nuôi	8	5	0	3	8	5	0	3	8	5	0	3
126	Phổ biến giáo dục pháp luật	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0	2
127	Quản tài viên	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
128	Quốc tịch	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0

129	Thừa phát lại	16	16	0	0	16	16	0	0	16	16	0	0
130	Trợ giúp pháp lý	12	12	0	0	12	12	0	0	12	12	0	0
131	Trọng tài thương mại	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
132	Tư vấn pháp luật	6	6	0	0	6	6	0	0	6	6	0	0
133	Công tác dân tộc	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0
134	Đăng kiểm	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
135	Đường bộ	67	67	0	0	67	67	0	0	67	67	0	0
136	Đường thủy nội địa	65	48	9	8	65	48	9	8	65	48	9	8
137	Hàng Hải	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
138	Du lịch	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
139	Tài chính ngân hàng	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
140	Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	6	6	0	0	0	0	0	0	6	6	0	0
141	Hạ tầng kỹ thuật	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
142	Kinh doanh bất động sản	3	3	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0
143	Nhà ở và công sở	14	14	0	0	0	0	0	0	14	14	0	0
144	Phát triển đô thị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
145	Quản lý hoạt động xây dựng	29	21	8	0	3	3	0	0	29	21	8	0
146	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	13	9	3	1	2	2	0	0	13	9	3	1
147	Vật liệu xây dựng	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0

148	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	7	6	1	0	5	4	1	0	5	4	1	0
149	Dân số - Sức khỏe sinh sản	7	6	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1
150	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
151	Dược phẩm	42	42	0	0	34	34	0	0	34	34	0	0
152	Giám định y khoa	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
153	Khám bệnh, chữa bệnh	77	77	0	0	63	63	0	0	69	69	0	0
154	Mỹ phẩm	9	9	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
155	Tài chính y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
156	Thi đua, khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
157	Tổ chức cán bộ	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
158	Trang thiết bị và công trình y tế	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0
159	Y Dược cổ truyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
160	Y tế Dự phòng	36	36	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG	24			
1	Thú y	3	23%		
2	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	1	33%		
3	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	100%		
4	Di sản văn hóa	1	7%		
5	Thẻ dực, thẻ thao	1	3%		
6	Văn hóa cơ sở	1	8%		
7	Xúc tiến thương mại	4	67%		
8	giáo dục trung học	2	20%		
9	Công tác lãnh sự	1	50%		
10	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	1	33%		

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh An Giang;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện; UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh(đăng tải B/C);
- Lưu HCTC, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình